

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **136/2025/DS-ST**

Ngày: 12/6/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Ngọc Ngân.

Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

Thư ký phiên tòa: Bà La Nguyễn Minh Thi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 900/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 1296/2025/QĐST-DS ngày 22/5/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số F, tổ A, khu phố E, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH D.

Địa chỉ: Số A, tổ A, khu phố T, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Việt H, sinh năm 1981.

HKTT: Số A, tổ A, khu phố T, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: A30, ngõ B H, phường C, quận N, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Ninh Thị H1, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số F, tổ A, khu phố E, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H1: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số F, tổ A, khu phố E, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Văn bản ủy quyền ngày 07/11/2023.

2. Bà Nguyễn Thị Yến Đ, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số A, tổ A, khu phố T, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(ông T có mặt; các đương sự khác vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/7/2019, ông T và Công ty TNHH D do bà Nguyễn Thị Yến Đ là đại diện tiến hành lập hợp đồng cho vay tiền số 01-07/2019 với nội dung: ông T cho Công ty TNHH D vay số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng (từ ngày 15/7/2019 đến ngày 15/10/2019), lãi suất 3%/tháng. Sau khi vay, Công ty không thanh toán lãi cho ông T. Ngày 10/02/2021, Công ty thanh toán cho ông T số tiền 20.000.000đ tiền gốc và ngày 27/01/2022, Công ty thanh toán cho ông T số tiền 5.000.000đ tiền gốc. Hiện Công ty còn nợ ông số tiền 175.000.000đ.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH D thanh toán cho ông T số tiền nợ gốc 175.000.000đ và không yêu cầu thanh toán lãi.

Bị đơn Công ty TNHH D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Yến Đ vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, buộc bị đơn Công ty D phải trả cho ông T số tiền 175.000.000 đồng.

Công ty D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Văn T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH D phải trả số tiền đã vay theo hợp đồng cho vay tiền ngày 15/7/2019. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định ông Nguyễn Văn T là nguyên đơn, Công ty TNHH D là bị đơn.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có trụ sở tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc giải quyết vắng mặt các đương sự: Công ty TNHH D và bà Nguyễn Thị Yến Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T yêu cầu bị đơn Công ty TNHH D (sau đây gọi tắt là Công ty D) phải trả cho ông số tiền gốc là 175.000.000đ (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu lãi. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính hợp đồng cho vay tiền ngày 15/7/2019.

Tại hợp đồng cho vay tiền ngày 15/7/2019 giữa Công ty D do bà Nguyễn Thị Yến Đ là đại diện và ông Nguyễn Văn T, bà Ninh Thị H1 có nội dung: ông T, bà H1 đồng ý cho Công ty D vay số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng, từ ngày 15/7/2019 đến ngày 15/10/2019. Sau khi ký hợp đồng cho vay tiền, ông T đã giao tiền mặt số tiền 200.000.000đ cho Công ty D do bà Đ là đại diện.

HĐXX nhận thấy: Tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 17/6/2019, Công ty TNHH D có người đại diện theo pháp luật là ông Lê Việt H, sinh ngày 06/8/1981. Như vậy, thời điểm ký hợp đồng cho vay tiền ngày 15/7/2019, người đại diện theo pháp luật của Công ty D không phải bà Nguyễn Thị Yến Đ.

Điều 142 Bộ luật dân sự quy định: *Giao dịch dân sự do người không có quyền đại diện xác lập, thực hiện không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với người được đại diện, trừ một trong các trường hợp sau đây: c) Người được đại diện có lỗi dẫn đến việc người đã giao dịch không biết hoặc không thể biết về việc người đã xác lập, thực hiện giao dịch dân sự với mình không có quyền đại diện.*

HĐXX nhận thấy, thời điểm ký kết hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Yến Đ không phải là đại diện theo pháp luật của Công ty D. Tuy nhiên, khi ký hợp đồng vay tiền ngày 15/7/2019, bà Đ và người làm chứng bà Ninh Thị L cung cấp cho ông T Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty D, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/5/2018 nội dung bà Nguyễn Thị Yến Đ vẫn là đại diện theo pháp luật của Công ty D. Khi ký hợp đồng vay tiền ngày 15/7/2019, bà Đ vẫn ký với tư cách đại diện của Công ty và đóng dấu của Công ty D. Công ty D đã có lỗi trong việc để bà Đ sử dụng con dấu của Công ty để ký hợp đồng vay tiền khi bà Đ không còn là đại diện theo pháp luật của Công ty dẫn đến việc ông T không thể biết bà Đ không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty thời điểm cho vay tiền. Do đó, hợp đồng vay tiền giữa ông T và Công ty D do bà Đ ký vẫn làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với Công ty D. Yêu cầu khởi kiện của ông T về việc buộc Công ty D thanh toán số tiền 175.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh địa chỉ của bà Đ, ông H và được Công an phường L cung cấp thông tin: Bà Nguyễn Thị Yến Đ, sinh năm 1981 và ông Lê Việt H, sinh năm 1981 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: số A, tổ A, khu phố T, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Bà Đ, ông H đã bán nhà năm 2018 đến nay, đi đâu, làm gì địa phương không biết.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hoạt động của Công ty D và được cung cấp thông tin: về tình trạng pháp lý: theo thông tin đăng ký doanh nghiệp trên hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Q, Công ty D ở tình trạng đang hoạt động, chưa thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc tạm ngừng kinh doanh hoặc giải thể tại Phòng Đăng ký kinh doanh kể từ ngày đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 17/6/2019 đến nay.

Tòa án đã giải thích quy định pháp luật về trường hợp bà Đ, ông H bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2018 nhưng ông T không yêu cầu Tòa án thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bà Đ, ông H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần niêm yết triệu tập Công ty D, bà Đ, ông H đến Tòa làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty D, bà Đ, ông H vắng mặt không có lý do, không có ý kiến hay cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn. Do vậy xem như Công ty D, bà Đ, ông H đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên,... khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Từ khi vay tiền, ông T đã yêu cầu Công ty D thanh toán nợ nhưng Công ty D chỉ thanh toán số tiền 25.000.000đ sau đó không tiếp tục thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông T về việc buộc Công ty D thanh toán cho ông T số tiền gốc đã vay còn lại là 175.000.000đ (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận.

- Về tiền lãi: ông T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn Công ty D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.750.000đ (175.000.000đ x 5%). Ông T được miễn tạm ứng án phí.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2, khoản 3 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tổ tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 142; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 470 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bị đơn Công ty TNHH D.

Buộc Công ty TNHH D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền 175.000.000đ (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số nợ gốc chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Công ty TNHH D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.750.000đ (tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Ông Nguyễn Văn T được miễn tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án:

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ninh Thị H1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Yến Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- CCTHADS TP. Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thanh Thủy